

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP LUYỆN DẤU CÂU THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO HỌC SINH LỚP 3 Ở HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Trần Đức Hùng¹ và Nguyễn Minh Vương^{2,3*}

¹Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

³Trường Tiểu học Phú Mỹ, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Minh Vương, Email: nmvuong1996@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 29/10/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 19/11/2024; Ngày duyệt đăng: 25/11/2024

Tóm tắt

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp thực chất là dạy học vì mục đích giao tiếp - dạy về giao tiếp và dạy trong giao tiếp. Nó được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học. Trong đó, phương pháp dạy học, các kỹ năng được hình thành thông qua nhiều bài tập mang tính tình huống, phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên. Đặc biệt, nội dung học dấu câu có vai trò quan trọng trong hoạt động giao tiếp bằng chữ viết. Vì vậy, việc gia tăng cơ hội cho học sinh được tiếp xúc với nhiều dạng bài tập hơn và việc xây dựng hệ thống bài tập về luyện dấu câu theo hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 3 là vô cùng cần thiết. Trong bài viết này, chúng tôi xây dựng hệ thống bài tập gồm ba nhóm bài tập lớn: nhóm bài tập tìm và nhận diện dấu câu, nhóm bài tập sử dụng dấu câu và nhóm bài tập sửa lỗi sử dụng dấu câu. Đồng thời, chúng tôi đã thiết kế một bài mẫu cho mỗi dạng bài tập, giúp giáo viên có thể dễ dàng thiết kế các bài tập còn lại theo cách tương tự để áp dụng vào việc dạy học dấu câu tiếng Việt.

Từ khoá: Bài tập, học sinh, luyện tập dấu câu, năng lực giao tiếp.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1378>

Trích dẫn: Trần, Đ. H., & Nguyễn, M. V. (2024). Xây dựng hệ thống bài tập luyện dấu câu theo hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 3 ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 181-192. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1378>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**BUILDING PUNCTUATION PRACTICE EXERCISES
TO DEVELOP 3rd-GRADERS' COMMUNICATION SKILLS
IN LAI VUNG DISTRICT, DONG THAP PROVINCE**

Tran Duc Hung¹ and Nguyen Minh Vuong^{2,3*}

¹*Faculty of Primary and Preschool Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

³*Phu My Primary School, Dong Thap province, Vietnam*

**Corresponding author: Nguyen Minh Vuong, Email: nmvuong1996@gmail.com*

Article history

Received: 29/10/2024; Received in revised form: 19/11/2024; Accepted: 25/11/2024

Abstract

Communicative teaching essentially serves the purpose of communication and communication skills taught. It is shown in both content and teaching methods. Communication skills are formed through many situational exercises, suitable for natural communication situations. In particular, the content of learning punctuation plays an important role in written communication activities. Therefore, it is extremely necessary to increase exposure opportunities to more types of exercises and to build a system of exercises on punctuation to develop 3rd-graders' communication skills. In this article, we have built an exercises system consisting of three large exercises groups: one for finding and identifying punctuation, another for using punctuation, and another for correcting punctuation errors. At the same time, we have designed a sample lesson for each type of exercises, so that teachers can easily design the remaining exercises in the similar way to apply Vietnamese punctuation teaching.

Keywords: *A punctuation practice, communication skills, exercise, student.*

1. Đặt vấn đề

Dạy học theo hướng phát triển năng lực (NL) giao tiếp thực chất là dạy học vì mục đích giao tiếp - dạy về giao tiếp và dạy trong giao tiếp. Nó được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học. Trong đó, phương pháp dạy học, các kĩ năng được hình thành thông qua nhiều bài tập (BT) mang tính tình huống, phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên. Đặc biệt, nội dung học dấu câu có vai trò quan trọng trong hoạt động giao tiếp bằng chữ viết. Sự vắng mặt của dấu câu trong một văn bản không những gây khó khăn cho việc hiểu nội dung văn bản mà còn có thể dẫn đến sự hiểu lầm hay hiểu văn bản theo nhiều nghĩa khác nhau.

Trong thực tế, các bài học về dấu câu ở tiểu học không nhiều nhưng chúng được sử dụng linh hoạt. Bên cạnh đó, học sinh (HS) chưa ý thức được sự cần thiết và tác dụng của dấu câu trong hoạt động giao tiếp. Vì vậy, việc gia tăng cơ hội cho HS được tiếp xúc với nhiều dạng BT hơn và việc xây dựng hệ thống BT về luyện dấu câu theo hướng phát triển NL giao tiếp cho HS lớp 3 là rất cần thiết.

Trong bài viết này, chúng tôi xây dựng hệ thống BT luyện dấu câu theo định hướng phát triển NL giao tiếp dựa trên các nguyên tắc bám sát nội dung chương trình, đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 3. Theo các bước thiết kế hệ thống BT, chúng tôi đã xây dựng hệ thống BT gồm ba nhóm BT lớn: nhóm BT tìm và nhận diện dấu câu, nhóm BT sử dụng dấu câu và nhóm BT sửa lỗi sử dụng dấu câu. Đồng thời, chúng tôi đã thiết kế một bài mẫu cho mỗi dạng BT, giúp giáo viên (GV) có thể dễ dàng thiết kế các BT khác theo cách tương tự để áp dụng vào việc dạy học dấu câu tiếng Việt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1. Khái niệm giao tiếp

Hiện nay có nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra định nghĩa về giao tiếp như: Hoàng Phê, Bùi Minh Toán, Mai Ngọc Chừ,...

“Giao tiếp chính là sự tiếp xúc, giao lưu giữa người và người trong xã hội, qua đó con người bộc lộ và truyền đạt cho nhau những nhận thức, tư tưởng và cả những tình cảm, thái độ đối với nhau và đối với điều được diễn đạt”. (Bùi, 1995).

“Giao tiếp là trao đổi, tiếp xúc với nhau. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp”. (Hoàng, 2000).

“Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là sự tiếp xúc giữa con người (nhóm người), trong đó diễn ra sự trao đổi thông tin (hiểu rộng), đồng thời thể hiện thái độ, cách đánh giá, cách ứng xử của các nhân vật giao tiếp đối với nội dung giao tiếp và giữa các nhân vật giao tiếp với nhau”. (Mai, 2007).

Về nguyên tắc, giao tiếp ngôn ngữ mang tính chất xã hội, trong đó người tham gia giao tiếp phải có mối quan hệ nhất định với nhau, đó là quan hệ giao tiếp. Quan hệ giao tiếp được xây dựng trên hệ thống các mối quan hệ xã hội nói chung, trên cấu trúc xã hội và trên quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp hoặc nhóm người trong xã hội. Giao tiếp ngôn ngữ có thể thực hiện bằng lời (giao tiếp miệng) hoặc bằng văn tự (giao tiếp viết). Trong hai dạng trên thì giao tiếp miệng là cơ sở.

2.1.2. Khái niệm năng lực và năng lực giao tiếp

Ở Việt Nam hiện nay đã có nhiều nhà nghiên cứu về NL và đưa ra định nghĩa khái niệm NL như sau:

“NL là thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.” (Đặng, 2012).

“NL là sự tích hợp các kiến thức, kỹ năng, khả năng, các đặc tính cá nhân khác (động cơ, tính cách, thái độ, giá trị...) để thực hiện các nhiệm vụ đạt theo chuẩn mực mong đợi trong một bối cảnh cụ thể.” (Nguyễn, 2019).

Như vậy, NL giao tiếp là khả năng của một cá nhân sử dụng phương tiện ngôn ngữ để truyền đạt ý kiến, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và hiệu quả. NL ngôn ngữ chỉ là một phần của NL giao tiếp. Việc dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học không nhằm mục đích nào khác chính là phát triển NL giao tiếp ngôn ngữ cho HS.

2.1.3. Khái niệm về dấu câu

“Dấu câu là khái niệm dùng trong văn viết. Dấu câu là phương tiện dùng để phân biệt các ý nghĩa, các đơn vị ngữ pháp trong một câu văn. Chúng được dùng để chỉ ranh giới giữa các câu, các thành phần trong câu, giữa các thành tố trong cụm từ, trong các liên hợp cụm từ”. (Nguyễn, 1996).

“Dấu câu là tên gọi chung những dấu đặt giữa các câu hoặc các thành phần của câu nhằm làm cho câu văn viết được rõ ràng, mạch lạc”. (Hoàng, 2000).

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm về dấu câu của tác giả Nguyễn (1996).

2.1.4. Khái niệm bài tập

“BT là những nhiệm vụ, công việc được giao cho mỗi nhóm hoặc mỗi cá nhân trong khuôn khổ một chương trình học tập nhằm rèn luyện kỹ năng hay tăng cường kiến thức cho người học”. (Đỗ, 1996).

“BT là một dạng nhiệm vụ học tập do GV đặt ra cho HS trên cơ sở những thông tin đã biết, HS phải tư duy, tìm ra cách giải quyết nhằm lĩnh hội nội dung học tập, rèn luyện kỹ năng, đạt được mục tiêu bài học, môn học đề ra.” (Trần, 2002).

Trong sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu tham khảo... thuật ngữ BT xuất hiện rất nhiều như: BT Toán, BT Tiếng Việt, BT Tiếng Anh... Theo nghĩa này, BT được hiểu là dạng bài học mô phỏng lại kiến thức và thao tác thực hành đã được giới thiệu nhằm mục đích vận dụng lí thuyết và rèn luyện kỹ năng cần thiết theo chương trình môn học. Theo đó, BT được sử dụng chủ yếu trong hoạt động thực hành mà nhiệm vụ giải BT là một hình thức thực hành.

Tuy nhiên, trước xu hướng đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy cao độ tính tích cực, tự giác, độc lập, sáng tạo trong nhận thức của người học thì phạm vi ứng dụng của BT rộng hơn nhiều. Nhiều quan điểm hiện nay cho rằng, BT không chỉ được dùng với mục đích giúp người học vận dụng những tri thức đã học, rèn luyện kỹ năng tương ứng mà còn giúp họ hình thành tri thức mới và phát triển các kỹ năng khác.

Thực hành với BT tiếng Việt là một khâu trọng yếu có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành kỹ năng ứng dụng tiếng Việt trong đời sống của HS. Bởi vậy, hệ thống BT được xây dựng phải phong phú, đa dạng, thiết thực và hiệu quả.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng về dạy và học dấu câu

2.2.1. Kết quả khảo sát học sinh

Ở cuối kì I, chúng tôi khảo sát 90 HS của các trường: Tiểu học Thị trấn Lai Vung 1, Tiểu học Tân Thành 2, Tiểu học Tân Dương, Tiểu học Hòa Long, Tiểu học Tân Phước 1, Tiểu học Phong Hòa 1. Mỗi trường tôi chọn ngẫu nhiên 15 HS lớp 3. Qua các câu hỏi phiếu khảo sát, chúng tôi nhận thấy HS có hứng thú rất nhiều trong việc học BT dấu câu. HS thường gặp khó khăn với những dấu câu như: dấu phẩy, dấu hai chấm. Trong thực tế, HS cũng ít nhận ra các lỗi sử dụng dấu câu, chỉ nhận biết được khi sai ở các dấu câu cơ bản. HS tự đánh giá là đã sử dụng các dấu câu một cách chính xác đạt mức khá. Để cụ thể hơn các lỗi của HS trong sử dụng dấu câu, chúng tôi nghiên cứu kết quả khảo sát và thống kê như sau:

Bảng 1. Bảng thống kê lỗi sử dụng dấu câu của học sinh

STT	Các loại dấu câu	HS dùng đúng dấu câu		HS chưa dùng đúng dấu câu
		SL	Tỉ lệ %	SL
1	Dấu chấm (.)	40	44,44	50
		55,56		
2	Dấu chấm than (!)	42	46,67	48
		53,33		
3	Dấu chấm hỏi (?)	45	50	45
		50		
4	Dấu phẩy (,)	30	27,78	60
		72,22		
5	Dấu chấm phẩy (;)	35	38,89	55
		61,11		
6	Dấu hai chấm (:)	42	46,67	48
		53,33		
7	Dấu ngoặc đơn ()	58	64,44	32
		35,56		
8	Dấu ngoặc kép (“...”)	43	47,78	47
		52,22		
9	Dấu gạch ngang (-)	44	48,89	46
		51,11		
10	Dấu chấm lửng (...)	57	63,33	33
		36,67		

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 1, chúng tôi đưa ra các nhận xét cụ thể sau: Lỗi về sử dụng dấu câu của HS tiểu học qua các bài viết chiếm tỉ lệ không nhỏ trong các loại lỗi về câu. Các em mắc tất cả 455 lỗi về dấu câu, phần lớn các em mắc phải các lỗi: dấu chấm hỏi (45 lỗi, chiếm 50%), dấu phẩy (60 lỗi, chiếm 72,22%), dấu chấm than (48 lỗi, chiếm 53,33%), dấu chấm (50 lỗi, chiếm 55,56%), dấu ngoặc kép (47 lỗi, chiếm 52,22%), dấu chấm phẩy (55 lỗi, chiếm 61,11%), dấu hai chấm (48 lỗi, chiếm 53,33%).

Các loại dấu còn lại các em sử dụng rất ít trong các BT làm văn nên tỉ lệ mắc lỗi không nhiều: dấu chấm lửng (33 lỗi, chiếm 36,67%), dấu ngoặc đơn (32 lỗi, chiếm 35,56%), dấu gạch ngang (46 lỗi, chiếm 51,11%).

2.2.2. Kết quả khảo sát giáo viên

Để có cơ sở đánh giá thực trạng việc dạy học dấu câu của GV lớp 3, chúng tôi tiến hành khảo sát 19 GV thuộc 6 trường tiểu học của huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau: Tiểu học Thị trấn Lai Vung 1 (4GV), Tiểu học Tân Thành 2 (3GV), Tiểu học Tân Dương (3GV), Tiểu học Hòa Long (2GV), Tiểu học Tân Phước 1 (2GV), Tiểu học Phong Hòa 1 (5GV). Kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Khảo sát vai trò dạy học dấu câu trong việc phát triển năng lực giao tiếp của học sinh

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả	
		SL	TL%
1	Rất quan trọng	7	36,84
2	Quan trọng	7	36,84
3	Không quan trọng	5	26,32

Kết quả Bảng 2 cho thấy, dạy học dấu câu đóng vai trò trong quá trình phát triển NL giao tiếp đối với HS lớp 3 được GV xem là rất quan trọng chiếm 36,84% và được GV xem là rất quan trọng chiếm 36,84%, chỉ có 26,32% GV xem vai trò của dấu câu là không quan trọng.

Bảng 3. Khảo sát tác dụng dạy học dấu câu trong việc phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả	
		SL	TL%
1	Thể hiện tốt cảm xúc của đối tượng giao tiếp	5	26,31
2	Phát triển NL nói của HS	5	26,31
3	Phát triển NL viết của HS	9	47,37

Theo kết quả thống kê, chúng tôi thấy việc nhận thức về tác dụng dạy học dấu câu cho HS lớp 3 để phát triển NL viết của HS có 9 GV đồng tình chiếm 47,37%. Bên cạnh đó, có 26,31% GV thấy sử dụng tốt dấu câu sẽ giúp cho phát triển NL nói và cũng có 26,31% GV đồng ý với việc HS sẽ thể hiện tốt cảm xúc đối tượng giao tiếp thông qua việc sử dụng đúng dấu câu.

2.3. Hệ thống bài tập luyện dấu câu theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 3

2.3.1. Hệ thống bài tập tìm và nhận diện dấu câu

a. Mục đích, ý nghĩa

Loại BT này củng cố lại kiến thức về dấu câu đã học, tái hiện lại chức năng và công dụng của loại dấu câu đó. Đồng thời, GV phát triển được NL giao tiếp cho HS khi điền dấu câu được yêu cầu để diễn đạt đúng ý và ngữ pháp.

b. Cấu trúc bài tập

BT trắc nghiệm: phân trình bày yêu cầu và phân trả lời. Ở hệ thống BT này, chúng tôi theo 4 dạng hình thức như: chọn phương án đúng, nêu nhận định đúng - sai về công dụng của dấu câu đó, sắp xếp các từ và dấu câu để tạo thành câu đúng, ghép đôi để làm rõ tác dụng của dấu câu được sử dụng trong câu (đoạn văn). Ngoài ra, chúng tôi còn thiết kế ở dạng tự luận yêu cầu HS chỉ ra tác dụng của dấu câu dựa trên ngữ liệu cho sẵn.

c. Cách tiến hành

Bước 1: Xác định mục đích của BT

Bước 2: Chọn ngữ liệu

Bước 3: Xác định yêu cầu của BT

Bước 4: Kiểm tra

d. Hệ thống bài tập

BT1: Dòng nào dưới đây nêu đúng tác dụng của dấu chấm?

- A. Dấu chấm là dấu được đặt cuối câu kể.
- B. Dấu chấm là dấu được đặt cuối câu cảm thán.
- C. Dấu chấm là dấu đặt cuối câu hỏi.

BT2: Dòng nào dưới đây đặt vị trí dấu câu đúng?

- A. Dắt xe ra cửa, tôi lễ phép thưa: “Ba ơi, con xin phép đi học nhóm.”
- B. Dắt xe ra cửa, tôi lễ phép thưa ba ơi, con xin phép: “đi học nhóm”.
- C. Dắt xe ra cửa, tôi: “Lễ phép thưa ba ơi, con xin phép đi học nhóm.”

BT3: Những khẳng định sau là đúng hay sai? Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Dấu chấm than là dấu được đặt cuối câu kể.
- Dấu chấm than là dấu được đặt cuối câu khiến.
- Dấu chấm than là dấu đặt cuối câu hỏi.

BT4: Chọn đáp án đúng về cách dùng dấu hai chấm ở hai câu sau:

Mở cửa, tôi vô cùng sung sướng: trước mặt tôi là người bạn thân đã lâu không gặp.

- Bộ phận câu đứng sau dấu hai chấm là lời thoại nhân vật
- Bộ phận câu đứng sau dấu hai chấm giải thích cho một từ đứng trước.
- Bộ phận câu đứng sau dấu hai chấm giải thích cho nội dung ở bộ phận câu đứng trước.

BT5: Xếp các câu dưới đây vào kiểu câu thích hợp.

- a) Sắp! / rồi! / con / quần / áo / cất / đi / mưa /
- b) đội / ngoài / ra / mũ / khi / Hầy / trời / nắng! /
- c) oi! / Nóng / quá! / Trời /
- d) thôi / quá! / Gió / mát /

BT6: Em hãy lựa chọn những cụm từ phù hợp và sắp xếp chúng thành một câu nêu công dụng của dấu chấm.

dùng để kết thúc câu hỏi / dùng để kết thúc câu / có nội dung kể / giới thiệu / có nội dung đề hỏi / nêu hoạt động / đặc điểm / có nội dung đề yêu cầu người khác / dấu chấm hỏi /

Dấu chấm

BT7: Em hãy nối những câu ở cột phải với tác dụng tương ứng của gạch ngang có trong câu đó ở cột trái:

Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:
- Cháu con ai?
- Thưa ông, cháu là con ông Thư.

dấu gạch ngang dùng để đánh dấu phần chú thích, trong câu.

Bé Na - đứa bé nhất trong mấy đứa -
là em họ của tôi

Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bắt đầu bắt đầu lời nói nhân vật.

BT8: Em cần thêm dấu hai chấm vào vị trí thích hợp trong câu sau để nhằm tác dụng giải thích.

HS toàn trường mặc áo màu cờ Tổ quốc, chuẩn bị cho một sự kiện lớn trong lễ khai giảng xếp thành hình bản đồ Việt Nam.

BT9: Câu in đậm trong truyện cười sau thuộc kiểu câu gì? Hãy chỉ ra đặc điểm, công dụng của chúng.

Đi chợ

Có một cậu bé được bà sai đi chợ. Bà đưa cho cậu hai đồng, hai cái bát và nói:

- **Cháu mua giúp bà một đồng tương, một đồng mắm nhé!** (Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)

2.3.2. Hệ thống bài tập sử dụng dấu câu

a. Mục đích, ý nghĩa

Giúp HS nêu ý nghĩa, các mục đích của dấu câu trong cùng một ngữ liệu, tìm một dấu câu có thể thay thế dấu đã cho trong câu. Đồng thời, NL giao tiếp của HS được phát triển qua yêu cầu BT như viết một câu hoặc đoạn văn có sử dụng dấu câu theo ngữ cảnh giao tiếp hoặc một chủ đề giao tiếp.

b. Cấu trúc bài tập

- BT điền khuyết: Gồm phần yêu cầu và ngữ liệu. Nếu GV có gợi ý nhóm dấu câu ở phần yêu cầu thì phần ngữ liệu không gợi ý vị trí. Ngược lại, nếu phần yêu cầu GV không gợi ý nhóm dấu câu thì phần ngữ liệu có gợi ý vị trí điền bằng “.....”. Cũng có thể thiết kế BT phần yêu cầu gợi ý nhóm dấu câu và phần ngữ liệu có gợi ý vị trí (lưu ý, không yêu cầu 1 loại dấu câu).

- BT chuyển đổi dấu câu theo yêu cầu có chỉ định mục đích dựa trên ngữ liệu có sẵn.

- BT đặt câu, viết đoạn văn: Chỉ gồm phần yêu cầu có gợi ý tình huống, ngữ liệu tình huống hoặc có chỉ định dấu câu và cũng có thể không có gợi ý.

c. Cách tiến hành

Bước 1: Xác định yêu cầu của câu hỏi.

Bước 2: GV hướng dẫn phân tích ngữ liệu của bài đọc. GV có thể hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về dấu câu.

Bước 3: HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả.

Bước 4: GV nhận xét và đánh giá.

d. Hệ thống bài tập

BT10: Truyện vui sau đây còn thiếu một số dấu câu để đánh dấu những từ ngữ hoặc câu được trích dẫn. Em hãy chỉ ra những chỗ cần đánh dấu.

ĐẶT CÂU

Hùng:

– Bài đọc trên có từ mếu máo. Bạn hãy đặt một câu với từ đó!

Hiếu:

– Câu của mình là: Bạn Quang chạy theo xích lô, vừa khóc vừa nói.

Hùng:

– Nhưng câu đó chưa có từ cần đặt.

Hiếu:

– Có mà: Vừa khóc vừa nói có nghĩa là mếu máo rồi!

Hà Thu

BT11: Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong câu chuyện sau đây:

Chủ ngữ ở đâu

Cô giáo viết lên bảng một câu ghép

“Mặc dù tên cướp rất hung hăng gian xảo nhưng cuối cùng hắn vẫn phải đưa tay vào còng số 8 ”

Rồi cô hỏi

- Em nào cho cô biết chủ ngữ của câu trên ở đâu

Hùng nhanh nhẩu

- Thưa cô chủ ngữ đang nằm trong nhà giam ạ (*Sưu tầm*)

BT12: Em hãy lựa chọn đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào ô trống thích hợp để kết thúc các câu trong bài viết sau:

Tên anh là gì?

Chiến sĩ cảnh sát yêu cầu một thanh niên vượt đèn đỏ dừng lại và hỏi:

- Tên anh là gì

- Tên em là Gì ạ

Người cảnh sát nghiêm nét mặt

- Anh trả lời cho nghiêm túc, tên anh là gì

- Dạ...! Tên em là Gì ạ

- Yêu cầu anh cho xem chứng minh thư

Người chiến sĩ cảnh sát cảm tâm chứng minh thư và đọc: Trần Văn Gì

(Sưu tầm)

BT13: Dựa theo nội dung đoạn văn, em hãy viết tiếp câu có sử dụng dấu câu để báo hiệu bộ phận giải thích, liệt kê.

Ông đã mày mò tìm cách sản xuất sơn, rồi mở hãng sơn Tắc Kè ở Hải Phòng. Ở Việt Bắc, ông sản xuất vải nhựa cách điện, giấy than, mực in, vải mưa...Ngày nay, ở Hải Phòng có đường phố mang tên ông

a) Ông đã làm được những việc mà trước giờ chưa ai thành công.....

b) Ông vẫn tiếp tục nghiên cứu, tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ kháng chiến.....

BT14: Em hãy chọn cụm từ phù hợp để viết tiếp các câu sau:

"Mẹ đi thăm ông bà về chưa?"

bé Lan đã biết nấu cơm giúp mẹ.

"Con học bài đi đấy nhé!"

a) Bố dặn bé Sơn:

b) Bố rất ngạc nhiên

c) Bố hỏi bé Sơn:

BT15: Em hãy chuyển câu hỏi sau thành câu có sử dụng dấu chấm than và cho biết ý nghĩa của mỗi câu: Quyền truyện của con để ở đâu?

BT16: Với mỗi nội dung sau đây, em hãy đặt một câu và dùng những dấu câu thích hợp.

a) Nhờ em (hoặc anh, chị) mở hộ cửa sổ.

b) Hỏi bố xem mấy giờ hai bố con đi thăm ông bà.

c) Thể hiện sự ngạc nhiên, vui mừng khi được mẹ tặng cho món quà mà em ao ước từ lâu.

BT17: Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau. Nêu tên và công dụng của từng dấu câu của mỗi tranh.



BT18: Em hãy viết đoạn văn ngắn thuật lại một phần cuộc họp của tổ em, trong đó có sử dụng dấu hai chấm, dấu gạch ngang.

2.3.3. Hệ thống bài tập sửa lỗi sử dụng dấu câu

a. Mục đích, ý nghĩa

Hệ thống BT có tác dụng rèn luyện một cách chủ động kỹ năng sử dụng dấu câu và nắm chắc kiến thức cơ bản và vận dụng thực tiễn. Nó giúp HS nắm chắc công dụng của các dấu câu và vận dụng chúng thành thạo trong các BT làm văn.

b. Cấu trúc bài tập

- BT thay thế: GV cho một câu (hay đoạn) và chỉ vị trí dùng dấu câu sai. Rồi yêu cầu HS thay dấu câu khác để phù hợp với ngữ cảnh và mục đích nói. Dạng BT này có hai cấp độ: cấp độ dễ là cho sẵn dấu câu, HS chỉ lựa chọn dấu câu phù hợp; cấp độ thứ hai khó hơn là không cho trước mà đòi hỏi HS phải tự nghĩ ra dấu câu để điền vào

BT sửa chữa: GV cho một câu (hay đoạn) có sử dụng một hay nhiều dấu câu không phù hợp với ngữ cảnh, yêu cầu HS tìm và chọn dấu câu khác phù hợp hơn và viết lại.

c. Cách tiến hành

Bước 1: Nhận biết yêu cầu của BT.

Bước 2: Xác định phương hướng làm BT.

Bước 3: Làm BT. GV gợi ý cho HS cách giải bằng cách đặt ra những giả thiết, những phương án sử dụng dấu câu khác nhau cho cùng một câu văn. Trên cơ sở đối chiếu cách sử dụng dấu câu khác nhau, các em biết lựa chọn các cách sử dụng dấu câu chính xác và linh hoạt.

Bước 4: Nêu tác dụng của BT trong việc củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu

d. Hệ thống bài tập

BT19: Dùng dấu chấm và dấu chấm hỏi để thay thế các dấu câu đã dùng sai sau đây:

- a) Mẹ hỏi tôi có thích đi chợ cùng mẹ không:
- b) Đồng hồ chỉ 5 hay 6 giờ!

BT20: Cô giáo đã nhờ Huệ và Cúc sửa lại cách đặt dấu câu trong đoạn văn của bạn dưới đây:

Nghỉ hè, mẹ cho Lan đi chơi rất nhiều nơi, và còn mua cho Lan chiếc áo mới. Buổi đầu tiên, của năm học, Lan bảo mẹ.

- Mẹ cho con mặc chiếc áo mẹ mới mua cho con nhé.

Bạn Lan sửa như sau:

Nghỉ hè, mẹ cho Lan đi chơi rất nhiều nơi và còn mua cho Lan chiếc áo mới. Buổi đầu tiên, của năm học Lan bảo mẹ.

- Mẹ cho con mặc chiếc áo mẹ mới mua cho con nhé!

Còn bạn Cúc sửa:

Nghỉ hè, mẹ cho Lan đi chơi rất nhiều nơi và còn mua cho Lan chiếc áo mới. Buổi đầu tiên, của năm học Lan bảo mẹ:

- Mẹ cho con mặc chiếc áo mẹ mới mua cho con nhé!

Theo em bạn nào sửa đúng?

BT21: Khi chép lại mẩu chuyện vui dưới đây, bạn Hùng đã dùng sai một số dấu câu. Em hãy giúp bạn chữa lại những lỗi đó.

Tỉ số chưa được mở

Nam: - Hùng này, hai bài kiểm tra Tiếng Việt và Toán hôm qua, cậu được mấy điểm.

Hùng: - Vẫn chưa mở được tỉ số.

Nam: - Nghĩa là sao!

Hùng: - Vẫn đang hòa không – không? (*Minh Châu sưu tầm*)

BT22: Tìm chỗ sai trong việc sử dụng dấu ngoặc kép các câu sau và sửa lại cho đúng.

a) Bông hoa tỏa hương thơm thoang thoang, khê rung rinh như mời mọc: Lại đây cô bé. "lại đây" chơi với tôi đi!

b) Tham ô, lãng phí là một thứ "giặc" ở trong lòng.

c) Nó học giỏi "đến mức" được xếp thứ nhất từ dưới lên.

BT23: Tìm chỗ sai trong việc sử dụng dấu hai chấm các câu sau và sửa lại cho đúng.

a) Bất giác, em lại nhớ đến: Ba người thợ nhể nhại mồ hôi mà vui vẻ bên tiếng bễ thổi "phi phào".

b) Mẹ ôn tồn nói với con

- Con phải cố gắng học tập tốt để mai sau trở thành người có ích cho xã hội.

c) Trong gia đình em có tất cả là 4 người: bao gồm ba, mẹ, anh trai và em. Tất cả mọi người đều yêu thương nhau và giúp đỡ nhau trong mọi việc.

2.4. Định hướng sử dụng bài tập dấu câu

2.4.1. Vận dụng bài tập vào dạy học nội dung bài mới

Việc sử dụng hệ thống BT trong dạy học hình thành kiến thức mới cần hướng đến sự tích cực hóa hoạt động giáo dục HS, cần bảo đảm HS được quan sát, khám phá bằng các hoạt động giao tiếp, tạo cơ hội cho HS tự phát hiện, lĩnh hội và giải quyết vấn đề với sự giúp đỡ, hướng dẫn đúng lúc của GV. BT phải được giảng dạy, thực hành theo đúng các mức độ yêu cầu, đi từ dễ đến khó để đảm bảo NL nhận thức của HS. Trong quá trình tổ chức các hoạt động giải BT, GV phải là người tổ chức môi trường thi đua cho HS, tạo cơ hội tình huống, hướng dẫn, gợi mở các thao tác thực hiện có tính tìm tòi, khám phá của HS để tích lũy và làm phong phú vốn kiến thức cũng như khả năng vận dụng các kiến thức của chính mình. Trên cơ sở hướng tới sự chính xác hóa, hệ thống hóa những kiến thức về dấu câu và dạy học sinh vận dụng những kiến thức liên quan vào hoạt động giao tiếp, nói năng hằng ngày. Khi sử dụng hệ thống BT dạy học dấu câu ở lớp 3 phải chú ý đến sự phù hợp với những quy luật nhận thức và mức độ phát triển những nội dung kiến thức trong chương trình.

2.4.2. Vận dụng bài tập trong đánh giá học sinh

Việc sử dụng BT vào trong kiểm tra, đánh giá phải dựa trên các tiêu chí đảm bảo yêu cầu như: tính thú vị, tính giáo dục và tính vừa sức của từng câu trong đề; tính toàn diện về kiến thức - kĩ năng của toàn bộ đề; tính đa dạng của kiểu BT và tích hợp của ngữ liệu BT trong đề kiểm tra. Bài kiểm tra là một tổ hợp các BT gồm nhiều câu hỏi đi từ mức độ dễ đến khó, được xây dựng dưới các hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận. Hệ thống BT kiểm tra, đánh giá bao gồm: BT nhận diện và BT vận dụng. Tương ứng với mỗi đơn vị tri thức lí thuyết đã dạy cho HS cần phải có ít nhất một BT nhận diện. Đồng thời, dựa trên kết quả thực hiện BT dạng BT vận dụng của HS, GV có thể đánh giá NL giao tiếp của em đó.

3. Kết luận

Qua thực tế nghiên cứu, khảo sát, chúng tôi nhận thấy việc xây dựng hệ thống BT luyện dấu câu theo hướng phát triển NL giao tiếp cho HS lớp 3 là rất cần thiết. Những BT trên đây mới là một số trong hệ thống BT đã được chúng tôi chọn lọc, thiết kế và xây dựng trên những cơ sở về lí luận và thực tiễn. Với những nhóm, dạng BT trên, HS có cơ hội để tham gia học tập tích cực, nắm chắc kiến thức về sử dụng dấu câu, thể hiện điều muốn trình bày một cách mạch lạc, chính xác nhất. Đồng thời, HS không chỉ sử dụng đúng dấu câu, mà còn vận dụng chúng sáng tạo đa dạng, độc đáo để biểu đạt cảm xúc, đem lại giá trị mới mẻ cho mỗi loại dấu câu. Trong trường hợp này, dấu câu không chỉ là hình thức ngắt câu, ngắt đoạn mà còn là hình thức biểu thị những trạng thái tình cảm khác nhau để chê bai, nghi ngờ,... một cách hay hơn, tinh tế hơn. Để tổ chức dạy học đạt hiệu quả, GV cần thể hiện sự tận tâm, đặc biệt phải thể hiện tốt nhất vai trò của mình trong quá trình hướng dẫn HS thực hiện các BT luyện dấu câu theo hướng phát triển NL giao tiếp. Có như vậy, HS mới hứng thú và sáng tạo, phát huy tốt nhất NL của bản thân trong giờ học./.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, M. T. (1995). Về quan điểm giao tiếp trong dạy học Tiếng Việt. *Tạp chí nghiên cứu Giáo dục*, Số 94, 35-37.
- Đặng, T. H. (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lí giáo dục*, Số 126, 52-54.
- Đỗ, H. C. (Chủ biên). (1996). *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Hoàng, P. (Chủ biên). (2000). *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Trung tâm từ điển học.
- Mai, N. C., & cs. (2003). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, N. Y. (1996). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. L. K. (Chủ biên). (2022a). *Sách giáo viên Tiếng Việt 3 (tập 1) (Bộ sách Chân trời sáng tạo)*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. L. K. (Chủ biên). (2022b). *Sách giáo viên Tiếng Việt 3 (tập 2) (Bộ sách Chân trời sáng tạo)*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. A. (2019). Một số cách tiếp cận khái niệm “năng lực” trong giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, Số 462 (tháng 9), 24-28.
- Nguyễn, T. H. (2002). Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành môn Giáo dục học nhằm rèn luyện năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên sư phạm. *Kỷ yếu hội nghị khoa học nghiên cứu sinh*, 64-67.
- Trần, T. H. L. (Chủ biên). (2008). *Bài tập rèn kĩ năng sử dụng câu tiếng Việt cho học sinh tiểu học*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần, T. H. L. (Chủ biên). (2008). *Dạy học dấu câu tiếng Việt cho học sinh tiểu học*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.